

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ
Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☒; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Hoá học; Chuyên ngành: Vật liệu cao phân tử và tổ hợp

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **Nguyễn Tuấn Anh**

2. Ngày tháng năm sinh: 07-12-1981; Nam ☒; Nữ ☐; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán:

Xã Hạ Lễ, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Thôn 2, Xã Hạ Lễ, Huyện Ân Thi, Tỉnh Hưng Yên

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Nguyễn Tuấn Anh, Khoa Công nghệ Hoá, Phòng 109 nhà B2, Khu B - Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội, Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội.

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0829888099;

E-mail: anhnt@hau.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ tháng 12 năm 2005 đến tháng 5 năm 2007: Giảng viên Khoa Công nghệ Hoá, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

- Từ tháng 6 năm 2007 đến nay:

- Từ 6/2007 đến 8/2016: Giảng viên, Bí thư Liên chi đoàn Khoa CN Hoá, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.
- Từ 11/2014 đến 8/2021: Trưởng Bộ môn Công nghệ Hoá hữu cơ.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ 8/2018 đến 3/2020: Phó Chủ tịch Công đoàn khoa Công nghệ Hoá.
- Từ 3/2020 đến nay: Chủ tịch công đoàn khoa Công nghệ Hoá.
- Từ 5/2020 đến nay: Phó Bí thư Chi bộ Khoa Công nghệ Hoá.
- Từ 8/2020 đến 4/2021: Giao nhiệm vụ Phó trưởng khoa Công nghệ Hoá.
- Từ 15/4/2021 đến nay: Phó Trưởng khoa Công nghệ Hoá.

Chức vụ: Hiện nay:

- Phó Bí thư Chi bộ khoa Công nghệ Hoá.
- Phó Trưởng khoa Công nghệ Hoá.
- Chủ tịch Công đoàn khoa Công nghệ Hoá.
- Phó Chủ tịch hội đồng Khoa học Công nghệ Hoá.

Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Trưởng khoa CN Hoá, Trường Đại học Công nghiệp HN.

Cơ quan công tác hiện nay: khoa Công nghệ Hoá, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

Địa chỉ cơ quan: Phường Tây Tựu, Quận Bắc Từ Liêm, Thành Phố Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 84-2437655121

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 15 tháng 7 năm 2005; số văn bằng: 1241; ngành: Công nghệ Hoá học, chuyên ngành: Công nghệ vật liệu polyme và compozit; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

- Được cấp bằng ThS ngày 13 tháng 01 năm 2011; số văn bằng: 006356; ngành: Công nghệ Vật liệu hoá học; chuyên ngành: Vật liệu cao phân tử và tổ hợp; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

- Được cấp bằng TS ngày 14 tháng 6 năm 2016; số văn bằng: TS2016/00316; ngành: Kỹ thuật Hoá học; chuyên ngành: Vật liệu cao phân tử và tổ hợp; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Trường Đại học Bách khoa Hà Nội.

- Được cấp bằng TSKH ngày ... tháng ... năm; số văn bằng:; ngành:; chuyên ngành:; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước):

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm , ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở:

Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành:

Hoá học - Công nghệ Thực phẩm.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- **Hướng nghiên cứu thứ nhất:** Nghiên cứu chế tạo vật liệu polyme composite chậm cháy.
- **Hướng nghiên cứu thứ hai:** Nghiên cứu sử dụng polyme tổ hợp ứng dụng trong y sinh.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) 6 HVCH (5 hướng dẫn chính, 1 hướng dẫn phụ) bảo vệ thành công luận văn ThS; đang hướng dẫn 1 HVCH.
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: Chủ nhiệm 7 đề tài cấp cơ sở đã nghiệm thu xếp loại khá, tham gia thực hiện 6 đề tài cấp cơ sở (đã nghiệm thu thành công 5 đề tài). Tham gia thành viên (Thư ký) một đề tài nafosted, 1 đề tài cấp tỉnh đã nghiệm thu. Đang tham gia 1 đề tài cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam, 1 đề tài sau tiến sỹ (VAST), chủ nhiệm 1 đề tài cấp cơ sở năm học 2022-2023.
- Đã công bố 40 bài báo khoa học, trong đó 20 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín thuộc danh mục ISI. Tham gia báo cáo tại 5 Hội thảo quốc tế.
- Số lượng giáo trình đã xuất bản 04, trong đó 02 giáo trình thuộc nhà xuất bản có uy tín.

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Công Thương Việt Nam, QĐ số 6825/QĐ-BCT ngày 03 tháng 7 năm 2015: *Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua dạy tốt, học tốt, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và phát triển Bộ Công Thương Việt Nam, giai đoạn 2010-2015.*
- Bằng khen của Ban chấp hành Trung ương Đoàn thanh niên cộng sản HCM, QĐ số 352-QĐ/TWĐTN, ngày 10 tháng 8 năm 2017: *Đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên nhiệm kỳ 2014-2017.*
- Bằng khen toàn diện của Ban chấp hành Công đoàn Công thương Việt Nam, QĐ số 224/QĐ-CĐCT ngày 8/11/2021: *Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức Công đoàn vững mạnh năm 2020-2021.*
- Bằng khen của Hội hoá học Việt Nam, QĐ số 06/QĐ-HHH, ngày 11 tháng 4 năm 2016: *Đã có nhiều đóng góp cho sự thành công của Hội thi Olympic Hoá học sinh viên toàn quốc lần thứ IX – 2016.*
- Bằng khen của Thành Đoàn TP Hà Nội: *Đã có thành tích trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên khối đại học cao đẳng năm học 2013-2014, QĐ số 1581/QĐ-TNHN.*
- Đạt danh hiệu 1000 Đảng viên trẻ xuất sắc thành phố Hà Nội năm 2012, QĐ số 210-QĐ/TNHN, ngày 19 tháng 4 năm 2012.
- Đạt danh hiệu 1000 Đảng viên trẻ xuất sắc thành phố Hà Nội năm 2013, ngày 28 tháng 9 năm 2013.
- Đạt danh hiệu 1000 Đảng viên trẻ xuất sắc thành phố Hà Nội năm 2016, QĐ số 3628-QĐ/TĐTN-VP.
- Giấy khen đạt danh hiệu “Đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” các năm: 2017 (QĐ số 137-QĐ/ĐU), 2019 (QĐ số 286-QĐ/ĐU), 2020 (QĐ số 60-QĐ/ĐU).
- Đạt danh hiệu Chiến sỹ thi đua cơ sở các năm học: năm học 2013-2014, theo QĐ số 1300/QĐ-ĐHCN; năm học 2015-2016, theo QĐ số 1000/QĐ-ĐHCN; năm học 2016-

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước 2017, theo QĐ số 928/QĐ-ĐHCN; năm học 2018-2019, theo QĐ số 838/QĐ-ĐHCN; năm học 2019-2020, theo QĐ số 747/QĐ-ĐHCN.

- Các năm 2015, 2016, 2017, 2018, 2019, 2020 và 2021: Đánh giá, xếp loại viên chức “*Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ*”
- Giấy khen của Đoàn trường Đại học Công nghiệp Hà Nội: *Đã có thành tích xuất sắc trong công tác Đoàn và phong trào thanh niên nhiệm kỳ 2014-2016.*

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo: Đủ tiêu chuẩn.

Ứng viên có phẩm chất, tư tưởng, đạo đức tốt. Trung thực và khách quan trong đào tạo và nghiên cứu khoa học. Có kỹ năng lực cập nhật, nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ sư phạm, đổi mới phương pháp giảng dạy đáp ứng được chuẩn nghề nghiệp theo vị trí việc làm. Gương mẫu thực hiện nghĩa vụ công dân, điều lệ nhà trường, quy tắc ứng xử của nhà giáo.

Trong công tác đào tạo, giáo dục luôn cập nhật những kiến thức mới và phương pháp giảng dạy tích cực phù hợp với thực tiễn. Giảng dạy, giáo dục theo triết lý giáo dục và nguyên lý giáo dục, ngoài kiến thức chuyên môn có chú trọng đến việc đào tạo phát triển kỹ năng mềm cho người học. Ngoài công tác giảng dạy, ứng viên tham gia chỉnh sửa, cập nhật, xây dựng mới chương trình đào tạo (Công nghệ kỹ thuật Hoá học hệ đại học, thạc sỹ và tiến sỹ, Chương trình đào tạo ngành Hoá dược trình độ Đại học) cũng như kiểm định chương trình đào tạo. Bản thân khi tham gia trong các hội đồng chỉnh sửa, cập nhật và xây dựng mới luôn chú trọng đến kiến thức mới của ngành đào tạo, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, kỹ năng giao tiếp ứng xử, làm việc độc lập, chịu trách nhiệm cá nhân, hướng dẫn và truyền bá, phổ biến kiến thức.

Trong công tác nghiên cứu khoa học, ứng viên luôn tự học hỏi, nâng cao trình độ chuyên môn có trách nhiệm với ngành nghề được đào tạo, luôn sẵn sàng chia sẻ với đồng nghiệp. Công tác tại trường Đại học Công nghiệp Hà Nội từ tháng 12 năm 2005 đến nay (17 năm), bản thân luôn hoàn thành xuất sắc công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học được đánh giá theo quy chế nội bộ của cơ quan. Chủ nhiệm 8 đề tài cấp trường (7 đề tài đã nghiệm thu, 1 đề tài năm 2022-2023 đang triển khai), tham gia 6 đề tài cấp trường, 1 đề tài cấp tỉnh và 1 đề tài nafosted (vai trò thư ký) đã nghiệm thu; tham gia 1 đề tài cấp Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam và 1 đề tài sau tiến sỹ đang triển khai. Công bố 40 bài báo trong đó là tác giả chính của 17 bài báo quốc tế thuộc danh mục ISI. Chủ biên 4 giáo trình nghiệm thu đạt yêu cầu và đã xuất bản phục vụ cho đào tạo. Ứng viên đã tham gia hướng dẫn 7 học viên cao học (6 học viên cao học đã bảo vệ thành công, 1 học viên cao học đang triển khai, hướng dẫn chính 6 HVCH).

Ngoài công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học, tôi tham gia công tác quản lý (trưởng Bộ môn, Phó trưởng khoa), công tác Đảng (phó Bí thư Chi bộ), công tác Đoàn Thanh niên (Bí thư liên chi đoàn), công tác Công đoàn khoa (Chủ tịch công đoàn khoa) và các nhiệm vụ khác được phân công. Tôi đã vinh dự nhận được bằng khen của bộ trưởng Bộ Công Thương (2010-2015); bằng khen của Trung ương Đoàn TNCSHCM (2014-2017); bằng khen của Thành Đoàn Hà Nội; bằng khen của Hội hoá học Việt Nam (2016); bằng khen Toàn diện của Công đoàn Công Thương Việt Nam (2020-2021); đạt danh hiệu “*1000 Đảng viên trẻ xuất sắc thủ đô Hà Nội*” các năm: 2012, 2014 và 2016.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Tổng số 16 năm 1 tháng.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn
nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015			0	6	440,0	0	440,0/658,45/224
2	2015-2016			0	6	455,5	30	485,5/631,5/216
3	2016-2017			1	6	415,8	0	415,8/524,5/216
4	2017-2018			2	10	352,0	30	382,0/571,0/216
5	2018-2019			2	15	367,0	30	397,0/631,5/216
03 năm học cuối								
6	2019-2020			1	14	396,0	30	426,0/583,5/216
7	2020-2021			0	7	262,0	60	322,0/441,0/245
8	2021-2022			0	8	250,0	30	280,0/410,7/245

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐ ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ☐ ThS ☐ hoặc luận ☐ án TS hoặc TSKH ; tại nước: năm.....

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☒ ; Diễn giải: Viết báo và báo cáo khoa học bằng Tiếng Anh.

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): B2

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Đàm Thanh Thu		HVCH	×		2016-2017	Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	22/01/2018
2	Đào Đức Lâm		HVCH	×		2017-2018	Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	16/07/2018
3	Trương Thị Thanh Thảo		HVCH	×		2017-2018	Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	21/12/2018
4	Nguyễn Thị Hương		HVCH	×		2018-2019	Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	08/08/2019
5	Bùi Đức Hiền		HVCH	×		2018-2019	Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	20/12/2019
6	Đàm Dương Mĩ Ngọc		HVCH		×	2019-2020	Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	14/08/2020
7	Nguyễn Trung Hiếu		HVCH	×		2022-2023	Trường ĐH Công nghiệp Hà Nội	Dự kiến 2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Gia công chất dẻo	GT	NXB Giáo dục Việt Nam, 2012	3	×	Trang 26 đến trang 106	Số 65/GXN-ĐHCN
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
2	Hoá học polyme	GT	NXB Khoa học Tự nhiên	2	×	Trang 21 đến trang 141	Số 67/GXN-ĐHCN

			và Công nghệ, Viện Hàn Lâm Khoa học Việt Nam, 2019				
3	Dụng cụ đo	GT	NXB Giao thông Vận tải, 2020	3	×	Trang 26 đến trang 102	Số 68/GXN-ĐHCN
4	Vật liệu composit	GT	NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ, Viện Hàn Lâm Khoa học Việt Nam, 2021	2	×	Trang 29 đến trang 109	Số 66/GXN-ĐHCN

Trong đó: số lượng (STT 02 và 04) GT do nhà xuất bản có uy tín xuất bản mà ứng viên là chủ biên sau TS: [2], [4].

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS/TS				
1	Tổng hợp và nghiên cứu các composite từ polime dẫn	Chủ nhiệm	05.08.RD/HĐ-ĐHCN, cấp Trường	Tháng 5 năm 2008 đến tháng 5 năm 2009	Thời gian nghiệm thu: 17/12/2019, xếp loại: Khá
2	Nghiên cứu chế tạo vật liệu Epoxi nano composit gia cường bằng lai tạo vi sợi xenlulo cấu trúc nano (MFC)/Sợi cacbon	Chủ nhiệm	16.2010.RD/HĐ-ĐHCN, cấp Trường	Tháng 02 năm 2009 đến tháng 02 năm 2011	Thời gian nghiệm thu: 24/11/2011, xếp loại: Khá
3	Nghiên cứu chế tạo vật liệu composit không cháy trên nền nhựa epoxy hoá gia cường bằng sợi thủy tinh	Chủ nhiệm	26.2012.RD/HĐ-ĐHCN, cấp Trường	Tháng 01 năm 2012 đến tháng 12 năm 2012	Thời gian nghiệm thu: 28/11/2013, xếp loại: Khá

4	Nghiên cứu chế tạo vật liệu polyme compozit thân thiện môi trường trên nền nhựa polyester không no gia cường bằng vi sợi xenlulo	Chủ nhiệm	21.2013.RD/HĐ-ĐHCN, cấp Trường	Tháng 12 năm 2012 đến tháng 02 năm 2013	Thời gian nghiệm thu: 25/02/2014, xếp loại: Khá
5	Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ chế tạo vật liệu compozit trên cơ sở nhựa epoxy có khả năng chống cháy định hướng ứng dụng trong kỹ thuật điện dân dụng	Chủ nhiệm	19.2014.RD/HĐ-ĐHCN, cấp Trường	Tháng 01 năm 2014 đến tháng 12 năm 2014	Thời gian nghiệm thu: 15/4/2016, xếp loại: Khá
II	Sau khi được công nhận PGS/TS				
6	Nghiên cứu ứng dụng màng sinh học chitosan kết hợp với axit axetic để bảo quản cam đường Canh tại tỉnh Bắc Giang	Thư ký	20/HĐ-KHCN-ĐT, Cấp Tỉnh	Tháng 6 năm 2016 đến tháng 6 năm 2018	Thời gian nghiệm thu: 27/9/2018, xếp loại: Khá
7	Nghiên cứu thành phần hoá học định hướng khả năng kháng khuẩn của một số loài thực vật chọn lọc ở Việt Nam	Thư ký	104.01-2016.30, Quỹ Nafosted	Tháng 4 năm 2017 đến tháng 4 năm 2020	Thời gian nghiệm thu: 21/6/2020, Đạt
8	Nghiên cứu tạo hỗn dịch thuốc xịt mũi từ loài Ngũ sắc (<i>Ageratum conyzoides</i> L.)	Chủ nhiệm	10-2017-RD/HĐ-ĐHCN, cấp Trường	Tháng 6 năm 2017 đến tháng 6 năm 2018	Thời gian nghiệm thu: 25/7/2019, xếp loại: Khá
9	Nghiên cứu quy trình tổng hợp dược chất Thioguanine làm nguyên liệu bào chế thuốc điều trị ung thư máu	Tham gia	19-2018-RD/HĐ-ĐHCN, cấp Trường	Tháng 6 năm 2018 đến tháng 6 năm 2019	Thời gian nghiệm thu: 18/6/2019, xếp loại: Khá
10	Nghiên cứu chế tạo sơn nano chậm cháy định hướng ứng dụng bảo vệ kết cấu thép trong công trình xây dựng dân dụng	Chủ nhiệm	32-2019-RD/HĐ-ĐHCN, cấp Trường	Tháng 6 năm 2019 đến tháng 6 năm 2020	Thời gian nghiệm thu: 01/4/2021, xếp loại: Khá
11	Nghiên cứu quy trình sản xuất dung dịch rửa tay khô sát khuẩn phục vụ sản xuất hàng loạt	Tham gia	42-2020-RD/HĐ-ĐHCN, cấp Trường	Ngày 04 tháng 02 năm 2020 đến ngày 17 tháng 02 năm 2020	Thời gian nghiệm thu: 12/3/2020, xếp loại: Khá

	đáp ứng yêu cầu cấp bách phòng chống dịch viêm phổi cấp do chủng Coronavirus mới (2019-nCoV)				
12	Nghiên cứu quy trình ứng dụng hydrotanxit tới độ ổn định nhiệt của nhựa PVC	Tham gia	26-2019-RD/HĐ-ĐHCN, cấp Trường	Tháng 6 năm 2019 đến tháng 6 năm 2020	Thời gian nghiệm thu: 06/4/2021, xếp loại: Khá
13	Nghiên cứu sử dụng tro bay nhà máy nhiệt điện làm phụ gia chế tạo vật liệu epoxy Epikote 240 composite gia cường bằng graphene oxide (GO)	Tham gia	14-2020-RD/HĐ-ĐHCN, cấp Trường	Tháng 6 năm 2020 đến tháng 6 năm 2021	Thời gian nghiệm thu: 30/12/2021, xếp loại: Khá
14	Nghiên cứu thành phần hoá học và hoạt tính sinh học của loài Dây mật (Derris Elliptica (Wall.) Benth)	Tham gia	43a/HĐ-HVKHCN-PD2020, đề tài sau tiến sỹ Viện Hàn lâm KHCNVN	Tháng 9 năm 2020 đến tháng 9 năm 2022	Đang thực hiện
15	Nghiên cứu xây dựng quy trình điều chế son dưỡng môi thảo dược chứa sắc tố betacyanin từ vỏ quả thanh long	Tham gia	16-2020-RD/HĐ-ĐHCN, cấp Trường	Tháng 6 năm 2020 đến tháng 6 năm 2021	Biên bản họp hội đồng nghiệm thu ngày 01/4/2022, xếp loại Khá .
16	Nghiên cứu xây dựng quy trình cao chiết từ một loài thuộc chi Dây gấm (Gnetum) có khả năng ức chế enzyme xanthine oxidase định hướng cho sản xuất sản phẩm hỗ trợ điều trị bệnh Gout	Tham gia	37-2021-RD/HĐ-ĐHCN, cấp Trường	Tháng 6 năm 2021 đến tháng 5 năm 2022	Đang thực hiện
17	Nghiên cứu chế tạo vật liệu định hướng ứng dụng điều trị mụn của tổ hợp chitosan biến tính và polyphenol từ lá sim (<i>Rhodmyrtus tomentosa aiton H.</i>)	Tham gia	VAST03.03/22-23, Cấp Viện Hàn lâm KHCNVN	Tháng 01 năm 2022 đến tháng 12 năm 2023	Đang thực hiện
18	Nghiên cứu chế tạo vật liệu nanocomposite thân thiện môi trường trên cơ sở graphene oxide và	Chủ nhiệm	Cấp trường	Tháng 6 năm 2022 đến tháng 6 năm 2023	Đang thực hiện

nanocellulose định hướng ứng dụng làm màng lọc nước nhiễm kim loại nặng					
---	--	--	--	--	--

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	Tính chất cơ lý của màng polyme trên cơ sở nhựa epoxy epikote 240 và epikote 828 biến tính bằng cao su butadien nitril có nhóm cacboxyl cuối mạch và đóng rắn bằng các chất đóng rắn amin	4		Tạp chí Hóa học /ISSN 0866-7144			50(6A), 8-12	12/2012
2	Study of effect of the flame retardants on epoxy Epikote 240 resin cured by amine hardeners	3	×	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Viện Hàn lâm Khoa học & Công nghệ Việt Nam, ISSN 0866-708X			51(5B), 123-127	10/2013
3	Nghiên cứu ảnh hưởng của các loại vải gia cường đến tính chất cơ học và khả năng chậm cháy của vật liệu polyme composit nền nhựa epoxy Epikote 240	3	×	Tạp chí Hóa học /ISSN 0866-7144			51(6ABC), 1-4	11/2013

4	Improved Flame Retardant Properties of Polymers Epoxy Based on Antimony Trioxide/Chlorinated Paraffin	3		Journal of Materials Science and Engineering A/ ISSN 2161-6213			4(5), 146-150	5/2014
5	A study on the mixing of polymers based on epoxy resin and Epoxidized linseed oil	3	×	ISEPD2014 Internation Symposium on Eco-materials Processing and Design, Hanoi, January 12-15, 2014, pp. 232-236, Part B/ISBN 978-89-5708-236-2			Part B, 232-236	1/2014
6	Study the effect of stirring time to the mechanical properties and flame retardancy of epoxy/MMT-I.30E nanocomposite	4		Tạp chí Hóa học /ISSN 0866-7144			53(4E2), 64-67	7/2015
7	Nghiên cứu ảnh hưởng của thời gian rung siêu âm đến tính chất cơ học và khả năng chống cháy của vật liệu MWCNTs/epoxy nanocompozit	4		Tạp chí Hóa học /ISSN 0866-7144			53(4E2), 42-26	7/2015
8	Ảnh hưởng của hàm lượng nanoclay đến tính chất cơ học và độ chậm cháy của compozit trên nền epoxy	4		Tạp chí Hóa học /ISSN 0866-7144			53(4E2), 42-26	7/2015
II	Sau khi được công nhận TS							
9	Nghiên cứu ảnh hưởng của amoni phosphate và tri (1,3-dicloro iso propyl) phosphat ảnh hưởng đến khả năng chống cháy và độ bền cơ học của compozit trên nền polyeste không no	2		Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội/ISSN 1859-3585			Số 38, 35-39	2/2017

10	Nghiên cứu ảnh hưởng của magie hydroxit đến khả năng chống cháy và độ bền cơ học của vật liệu compozit trên nền polyeste không no	3		Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội/ISSN 1859-3585			Số 38, 44-47	2/2017
11	Nghiên cứu ảnh hưởng của nhôm hydroxyt đến khả năng chống cháy và độ bền cơ học của compozit trên nền polyeste không no	2	×	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội/ISSN 1859-3585			Số 38, 48-51	2/2017
12	Nghiên cứu ảnh hưởng của oxyt antimon và pharaphin clo hoá đến khả năng chống cháy và độ bền cơ học của compozit trên nền polyeste không no	2		Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội/ISSN 1859-3585			Số 38, 52-56	2/2017
13	Nghiên cứu chế tạo vật liệu compozit sinh học từ nhựa epoxy và vi sợi xenlulo vi khuẩn	2	×	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội/ISSN 1859-3585			Số 45, 32-37	4/2018
14	Vật liệu nanocompozit trên cơ sở blend cao su thiên nhiên/cao su butadien có ống nano cacbon đa tường	2	×	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội/ISSN 1859-3585			Số 45, 129-132	4/2018
15	Nghiên cứu tính chất cơ học và độ chậm cháy của keo dán đi từ xốp phế thải	2	×	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội/ISSN 1859-3585			Số 45, 73-76	4/2018
16	Nghiên cứu chế tạo hạt tổ hợp alginat/chitosan mang được chất lovastatin sử dụng đồng thời tác nhân tạo gel và liên kết ngang	4		Tạp chí Hóa học /ISSN 0866-7144			57(4E _{3,4}), 110-115	8/2019
17	Vật liệu nanocompozit trên cơ sở blend cao su thiên nhiên/cao su	3		Tạp chí Hóa học /ISSN 0866-7144			57(4E _{3,4}), 213-219	8/2019

	butadien và nanosilica/carbon nanotube							
18	Mechanical Properties and Flame Retardancy of Epoxy Resin/Nanoclay/Multiwalled Carbon Nanotube Nanocomposites https://doi.org/10.1155/2019/3105205	3	×	Journal of Chemistry /ISSN 2090-9063	SCIE (IF = 3.241, Q2)	24	Tập 2019, 1-9	6/2019
19	Study on Fire Resistance Ability and Mechanical Properties of Composites Based on Epikote 240 Epoxy Resin and Thermoelectric Fly Ash: An Ecofriendly Additive https://doi.org/10.1155/2019/2635231	4	×	Journal of Chemistry /ISSN 2090-9063	SCIE (IF = 3.241, Q2)	16	Tập 2019, 1-8	6/2019
20	Effect of Both Lovastatin and Ginsenoside Rb1 on Some Properties and In-Vitro Drug Release of Alginate/Chitosan/Lovastatin/Ginsenoside Rb1 Composite Films https://doi.org/10.1007/s10924-019-01550-8	9		Journal of Polymers and the Environment, ISSN 1566-2543 / 1572-8919	SCIE (IF = 3.667, Q1)	7	27, 2728–2738	9/2019
21	Mechanical and Flame-Retardant Properties of Exoxy Epikote 240/Epoxidized Linseed Oil Composites Using Fiber-Glass https://doi.org/10.22581/muet1982.2001.02	1	×	Mehran University Research Journal of Engineering and Technology/ISSN 0254-7821	ESCI	4	29, 1, 9-20	1/2020
22	Nghiên cứu sử dụng multi-walled carbon nanotubes hướng tới cải thiện năng lượng truyền nhiệt	4	×	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội/ISSN 1859-3585			56, 2, 126-128	4/2020
23	Effects of the Amount of Fly Ash Modified by Stearic Acid Compound on Mechanical Properties, Flame Retardant Ability, and Structure of the Composites	1	×	International Journal of Chemical Engineering/ISSN 1687-806X	SCIE (IF = 2.729, Q2)	10	Vol. 2020, 1-6	3/2020

	https://doi.org/10.1155/2020/2079189							
24	Assessment of the Role of Ginsenoside RB1 Active Substance in Alginate/Chitosan/Lovastatin Composite Films https://doi.org/10.1155/2020/5807974	8		International Journal of Polymer Science /ISSN 1687-9422	SCIE (IF = 2.973, Q2)	2	Vol. 2020, 1-11	4/2020
25	Mechanical and Flame-Retardant Properties of Nanocomposite Based on Epoxy Resin Combined with Epoxidized Linseed Oil, Which Has the Presence of Nanoclay and MWCNTs https://doi.org/10.1155/2020/2353827	1	×	Journal of Chemistry, ISSN 2090-9063	SCIE (IF = 3.241, Q2)	11	Vol. 2020, 1-8	3/2020
26	Study on Mechanical Properties and Fire Resistance of Epoxy Nanocomposite Reinforced with Environmentally Friendly Additive: Nanoclay I.30E https://doi.org/10.1155/2020/3460645	5	×	Journal of Chemistry, ISSN 2090-9063	SCIE (IF = 3.241, Q2)	9	Vol. 2020, 1-13	4/2020
27	Study on Synergies of Fly Ash with Multiwall Carbon Nanotubes in Manufacturing Fire Retardant Epoxy Nanocomposite https://doi.org/10.1155/2020/6062128	2	×	Journal of Chemistry, ISSN 2090-9063	SCIE (IF = 3.241, Q2)	8	Vol. 2020, 1-9	8/2020
28	Study on the Properties of Epoxy Composites Using Fly Ash as an Additive in the Presence of Nanoclay: Mechanical Properties, Flame Retardants, and Dielectric Properties https://doi.org/10.1155/2020/8854515	2	×	Journal of Chemistry, ISSN 2090-9063	SCIE (IF = 3.241, Q2)	10	Vol. 2020, 1-11	12/2020
29	Research on Fabrication of Flame Retardant Nanocomposite Coating to Protect Steel Structures on Epikote 240 Epoxy Resin Base with the	1	×	International Journal of Chemical Engineering /ISSN 1687-806X	SCIE (IF = 2.729, Q2)	1	Vol. 2021, 1-12	6/2021

	Synergy of MWCNTs and Fly Ash https://doi.org/10.1155/2021/9961321							
30	Phổ hồng ngoại, hình thái cấu trúc và tính chất chậm cháy vật liệu tổ hợp PVC-hidroxit	6		Tạp chí Khoa học & Công nghệ , Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội/ISSN 1859-3585			57, 3, 149-151	6/2021
31	Study on the Synergies of Nanoclay and MWCNTs to the Flame Retardant and Mechanical Properties of Epoxy Nanocomposites https://doi.org/10.1155/2021/5536676	1	×	Journal of Nanomaterials /ISSN 1687-4110	SCIE (IF = 3.791, Q2)	5	Vol. 2021, 1-8	6/2021
32	Hybrid Biocomposites Based on Used Coffee Grounds and Epoxy Resin: Mechanical Properties and Fire Resistance https://doi.org/10.1155/2021/1919344	2	×	International Journal of Chemical Engineering /ISSN 1687-806X	SCIE (IF = 2.729, Q2)	2	Vol. 2021, 1-12	6/2021
33	A Novel Method for Preparation of Carrageenan/Fish Scale Collagen/Allopurinol Biocomposite Film https://doi.org/10.1155/2021/9960233	10		International Journal of Polymer Science/ISSN 1687-9422	SCIE (IF = 2.973, Q2)	2	Vol. 2021, 1-10	7/2021
34	Banana Fiber-Reinforced Epoxy Composites: Mechanical Properties and Fire Retardancy https://doi.org/10.1155/2021/1973644	2	×	International Journal of Chemical Engineering /ISSN 1687-806X	SCIE (IF = 2.729, Q2)	6	Vol. 2021, 1-9	7/2021
35	Biocomposites Developed with Litchi Peel Based on Epoxy Resin: Mechanical Properties and Flame Retardant https://doi.org/10.1155/2021/3287733	1	×	Journal of Chemistry /ISSN 2090-9063	SCIE (IF = 3.241, Q2)	1	Vol. 2021, 1-9	8/2021
36	Effects of Hybrid Graphene Oxide with Multiwalled Carbon Nanotubes and Nanoclay on the Mechanical	2	×	Journal of Nanomaterials /ISSN 1687-4110	SCIE (IF = 3.791, Q2)	2	Vol. 2021, 1-7	11/2021

	Properties and Fire Resistance of Epoxy Nanocomposite https://doi.org/10.1155/2021/2862426						
37	Study the Effects of Carbon Nanotubes and Graphene Oxide Combinations on the Mechanical Properties and Flame Retardance of Epoxy Nanocomposites https://doi.org/10.1155/2021/1437929	2	×	Journal of Nanomaterials /ISSN 1687-4110	SCIE (IF = 3.791, Q2)	Vol. 2021, 1-9	12/2021
38	Study on Fabrication of Antibacterial Low Molecular Weight Nanochitosan Using Sodium Tripolyphosphate and Hydrogen Peroxide https://doi.org/10.1155/2022/8368431	2	×	Journal of Nanotechnology /ISSN 1687-9503	ESCI (Citescore = 4.800, Q3)	Vol. 2021, 1-10	1/2022
39	Nghiên cứu ảnh hưởng của ống nano carbon đến tính chất chậm cháy và cơ học của vật liệu compozit nền nhựa polyeste không no	2	×	Tạp chí Khoa học & Công nghệ , Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội/ISSN 1859-3585		Số chuyên đề Hoá học/Trang 14-18.	4/2022
40	Study on Mechanical Properties of Banana Fiber-Reinforced Materials Poly (Lactic Acid) Composites https://doi.org/10.1155/2022/8485038	2	×	International Journal of Chemical Engineering /ISSN 1687-806X	SCIE (IF = 2.729, Q2)	Vol. 2022, 1-7	29/6/2022

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: 17, với thứ tự là: **18, 19, 21, 23, 25, 26, 27, 28, 29, 31, 32, 34, 35, 36, 37, 38, 40.**

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Tổ soạn thảo Chương trình đào tạo trình độ Đại học thực hiện theo đề án: “ <i>Xây dựng và tiến khai thực hiện các chương trình đào tạo trình độ Đại học của trường Đại học Công nghiệp Hà Nội theo mô hình CDIO</i> ”. Ngành Công nghệ Kỹ thuật Hoá học	Tham gia (UV)	QĐ thành lập tổ soạn thảo: QĐ số 347/QĐ-ĐHCN	Trường ĐH Công nghiệp HN	QĐ ban hành CTĐT ngành CNKT Hoá học 507/QĐ-ĐHCN	
2	Soạn thảo, xây dựng mới chương trình đào tạo trình độ đại học ngành Hoá dược	Tham gia (UV)	QĐ thành lập tổ soạn thảo: QĐ số 38/QĐ-ĐHCN	Trường ĐH Công nghiệp HN	Biên bản họp Hội đồng thẩm định	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

.....

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

.....

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

.....

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

.....

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐ ; 04 CTKH ☐

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế
cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho
việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân
sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được
bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

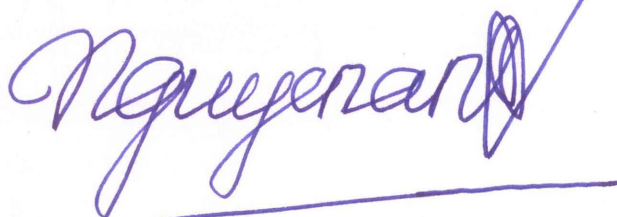
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp
luật.

Hà Nội, ngày 29 tháng 6 năm 2022

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Nguyễn Tuấn Anh